

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

(Công văn số 8646/UBCK-GSDC ngày 18/12/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0900270055 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 04/04/2019)

Bản thông tin tóm tắt và các thông tin bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI – HƯNG YÊN 89

- + Địa chỉ: Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
- + Điện thoại: (84 - 4) 2199 7488 Fax: (84 - 4) 2199 7489
- + Website: <http://habecotrading89.com.vn/>
- + Vốn điều lệ đã góp tại ngày 31/12/2023 (theo BCTC kiểm toán năm 2023): 60.000.000.000 đồng

Phụ trách công bố thông tin:

- + Họ tên: Nguyễn Quang Nghiệp
- + Chức vụ: Giám đốc
- + Điện thoại: (84 - 4) 2199 7488 Fax: (84 - 4) 2199 7489

Tháng 05/2024

MỤC LỤC

| | |
|--|----------|
| I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG | 6 |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty | 6 |
| 1.1. Giới thiệu về Công ty | 6 |
| 1.2. Ngành nghề kinh doanh chính..... | 6 |
| 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển..... | 7 |
| 2. Cơ cấu tổ chức công ty..... | 8 |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty | 9 |
| 3.1 Đại hội đồng cổ đông | 9 |
| 3.2. Hội đồng quản trị (HDQT)..... | 9 |
| 3.3. Ban Kiểm soát (BKS) | 10 |
| 3.4. Ban Giám đốc..... | 10 |
| 3.5. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ:..... | 11 |
| 3.6. Các bộ phận sản xuất: | 13 |
| 4. Cơ cấu cổ đông: | 15 |
| 4.1. Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 21/12/2021: | 15 |
| 4.2. Danh sách cổ đông sáng lập tính đến thời điểm ngày 21/12/2021: | 16 |
| 4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 21/12/2021:..... | 16 |
| 5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng: | 17 |
| 5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng. | 17 |
| 5.2. Công ty con, công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối. | 17 |
| 5.3. Danh sách Công ty liên kết | 17 |
| 6. Hoạt động kinh doanh | 17 |
| 6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm chính của Công ty: | 17 |

| | |
|--|----|
| 6.2. Cơ cấu doanh thu thuần..... | 19 |
| 6.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018, 2019 và 2020 | 19 |
| 6.2.2. Cơ cấu doanh thu thuần theo từng sản phẩm trong năm 2018, 2019, 2020 | 19 |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất. | 20 |
| 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 21 |
| 8.1. Vị thế của công ty trong ngành | 21 |
| 8.2. Triển vọng phát triển của ngành: | 21 |
| 8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới | 22 |
| 9. Chính sách đối với người lao động: | 23 |
| 9.1. Số lượng lao động trong Công ty:..... | 23 |
| 9.2. Chính sách đối với người lao động | 23 |
| 10. Chính sách cổ tức | 23 |
| 11. Tình hình tài chính | 24 |
| 11.1. Khấu hao tài sản cố định:..... | 24 |
| 11.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:..... | 24 |
| 11.3. Các khoản phải nộp, phải thu theo luật định:..... | 24 |
| 11.4. Trích lập các quỹ theo luật định:..... | 25 |
| 11.5. Tình hình công nợ hiện nay: | 25 |
| 11.6. Hàng tồn kho | 26 |
| 11.7. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty | 26 |
| 12. Tài sản | 26 |
| 12.1. Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2021 | 27 |
| 13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức | 27 |
| 13.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức..... | 27 |
| 13.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên..... | 27 |
| 14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng..... | 28 |

2021
 CÔNG
 HÃ
 GY
 M-T

| | | |
|-------------|---|-----------|
| 15. | Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh | 28 |
| 15.1. | Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh..... | 28 |
| 15.2. | Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh | 29 |
| 16. | Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty | 29 |
| II. | QUẢN TRỊ CÔNG TY | 29 |
| 1. | Danh sách Hội đồng quản trị: | 29 |
| 2. | Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị: | 29 |
| 3. | Ban kiểm soát..... | 38 |
| 4. | Ban Giám đốc..... | 41 |
| 4.1. | Danh sách Ban Giám đốc..... | 41 |
| 4.2. | Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc | 41 |
| 5. | Kế hoạch tăng cường quản trị công ty | 44 |
| 6. | Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ..... | 44 |
| 7. | Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định | 49 |
| III. | PHỤ LỤC..... | 50 |
| 1. | Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | 50 |
| 2. | Phụ lục II: Điều lệ công ty | 50 |
| 3. | Phụ lục III: Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán và Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán (nếu có)..... | 50 |



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|----------------------------|---|
| Công ty/ Habeco Trading 89 | : Công ty cổ phần Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 |
| BCTC | : Báo cáo tài chính |
| CTCP | : Công ty cổ phần |
| HĐQT | : Hội đồng quản trị |
| BKS | : Ban Kiểm soát |
| VNĐ | : Việt Nam Đồng |
| CĐNB | : Cổ đông nội bộ |
| VSD | : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam |
| HNX | : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| TKGDCK | : Tài khoản giao dịch chứng khoán |
| ĐHĐCĐ | : Đại hội đồng cổ đông |
| CP | : Cổ phần |
| STT | : Số thứ tự |
| Đvt | : Đơn vị tính |



I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty****1.1. Giới thiệu về Công ty**

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI BIA HÀ NỘI – HUNG YÊN 89
- Tên tiếng Anh: HA NOI – HUNG YEN TRADING BEER JOINT STOCK COMPANY 89
- Tên viết tắt: HABECO TRADING 89
- Trụ sở chính: Đường 206, Xã Trung Trác, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: (84 – 4) 2199 7488
- Fax: (84 – 4) 2199 7489
- Website: <http://habecotrading89.com.vn>
- Logo Công ty:



- Giấy CN ĐKDN: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0900270055 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/05/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 04/04/2019.
- Vốn điều lệ đăng ký: **60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)**
- Vốn điều lệ thực góp: **60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)**
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quang Nghiệp** – Giám Đốc
- Giấy ĐKKD: Số 0900270055 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/05/2007, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 04/04/2019
- Ngày đáp ứng điều kiện công ty đại chúng: Ngày 21/12/2021, Công ty đáp ứng đủ điều kiện Công ty đại chúng (về vốn điều lệ, số lượng và cơ cấu cổ đông). Ngày 18/12/2024, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 8646/UBCK-GSDC.

1.2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất các loại bia;
- Chung, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;

- Sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn);
- Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan;
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

1.3. Lịch sử hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 (Tên viết tắt là HABECO TRADING 89) được thành lập ngày 14/05/2007, trụ sở đặt tại đường 206, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, Hưng Yên.

Trải qua 11 năm hình thành và phát triển, Công ty đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Cụ thể, cách đây 10 năm, sản lượng tiêu thụ của Công ty mới chỉ đạt gần 1 triệu lít/năm thì đến nay, sản lượng đã tăng lên tới 30 triệu lít, mức tăng trưởng trung bình hằng năm đạt khoảng 13-14%/năm. Thị trường và thị phần của Công ty được mở rộng, tăng lên. Ngoài thị trường ở Hưng Yên, sản phẩm của Công ty còn có mặt ở 4 tỉnh, thành lân cận như Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Quảng Ninh...

Công ty luôn nằm trong top 10 doanh nghiệp nộp ngân sách lớn nhất tỉnh Hưng Yên, tích cực tham gia ủng hộ các chương trình từ thiện ở địa phương. HABECO TRADING 89 cũng là đơn vị tích cực tham gia các hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội, là hội viên tích cực tham gia các sự kiện hội chợ, hội thảo, lớp đào tạo do Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam tổ chức.

Hiện nay Công ty đang tập trung sản xuất 2 dòng sản phẩm chủ đạo:

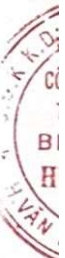
- Dòng sản phẩm mang thương hiệu Bia Hà Nội gồm các sản phẩm Bia tươi Hà Nội, Bia hơi 2 lít, Bia hơi Keg 30, 50 lít.
- Dòng sản phẩm mang thương hiệu Bia 89 bao gồm các sản phẩm Bia tươi 1 lít, Bia tươi chai pet 1,5 lít, Bia hơi 2 lít, Bia hơi Keg 30, 50 lít đây là những sản phẩm được kỳ vọng sẽ nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường và được đông đảo người tiêu dùng tin tưởng, sử dụng.

Với những nỗ lực và kết quả trên, Công ty vinh dự được Bộ Công Thương tặng Bằng khen, Cờ thi đua; Hiệp hội Bia – Rượu – Nước giải khát Việt Nam tặng Cờ thi đua; UBND tỉnh Hưng Yên tặng Bằng khen... Hàng năm, Chi bộ Công ty đều được công nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh, Công đoàn cơ sở vững mạnh...

Trong tương lai, với nhiều kế hoạch mở rộng nhà xưởng, cải tiến dây chuyền sản xuất, nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm mới,... HABECO TRADING 89 hứa hẹn sẽ có những bước tiến hơn nữa trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh đồ uống, là địa chỉ tin cậy, quen thuộc cho mọi khách hàng.

1.4. Quá trình tăng vốn từ thời điểm thành lập

Ngày 14/05/2007, Công ty được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng.



Từ khi thành lập đến nay Công ty đã thực hiện 01 lần tăng vốn (số vốn hiện nay là 60 tỷ đồng chẵn). Chi tiết về quá trình tăng vốn được trình bày như bảng dưới đây:

| Thời gian | SLCP tăng/giảm | Giá trị vốn tăng/giảm (triệu đồng) | VĐL sau tăng/giảm (triệu đồng) | Hình thức tăng/giảm vốn | Cơ sở tăng/giảm vốn | Đơn vị cấp |
|-----------|----------------|------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|---------------------|------------------------|
| Năm 2007 | | 30.000 | 30.000 | Góp vốn bằng tiền | ĐHĐCĐ thành lập | Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên |
| Năm 2017 | 3.000.000 | 30.000 | 60.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | ĐHĐCĐ | Sở KH&ĐT tỉnh Hưng Yên |

Nguồn: Habeco Trading 89

Thông tin chi tiết về đợt tăng vốn năm 2016 như sau:

- ❖ Căn cứ phát hành
 - Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ bất thường năm 2016 ngày 18/11/2016 của CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 (kèm Tờ trình số 0211TT.HAT89 ngày 17/11/2016 v/v phát hành cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ Công ty và Phương án phát hành cổ phiếu;
 - Nghị quyết số 01/2017/NQHĐQT ngày 18/01/2017 của CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89;
- ❖ Đối tượng chào bán: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- ❖ Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.000.000 cổ phiếu
- ❖ Số lượng cổ phiếu phát hành thành công: 3.000.000 cổ phiếu
- ❖ Số lượng nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu: 57 nhà đầu tư
- ❖ Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng để đầu tư thêm hệ thống tài sản cố định và bổ sung thêm vốn lưu động với mục đích tăng công suất của nhà máy và mở rộng mặt bằng.

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty cổ phần Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Công ty có trụ sở chính tại: Đường 206, Xã Trung Trắc, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên. Giấy CNĐKKD số: 0900270055 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 14/05/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 04/04/2019.

Habeco Trading 89 được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, trụ sở chính là nơi làm việc, tổ chức hợp của các cơ quan quan trọng của Công ty. Bao gồm:

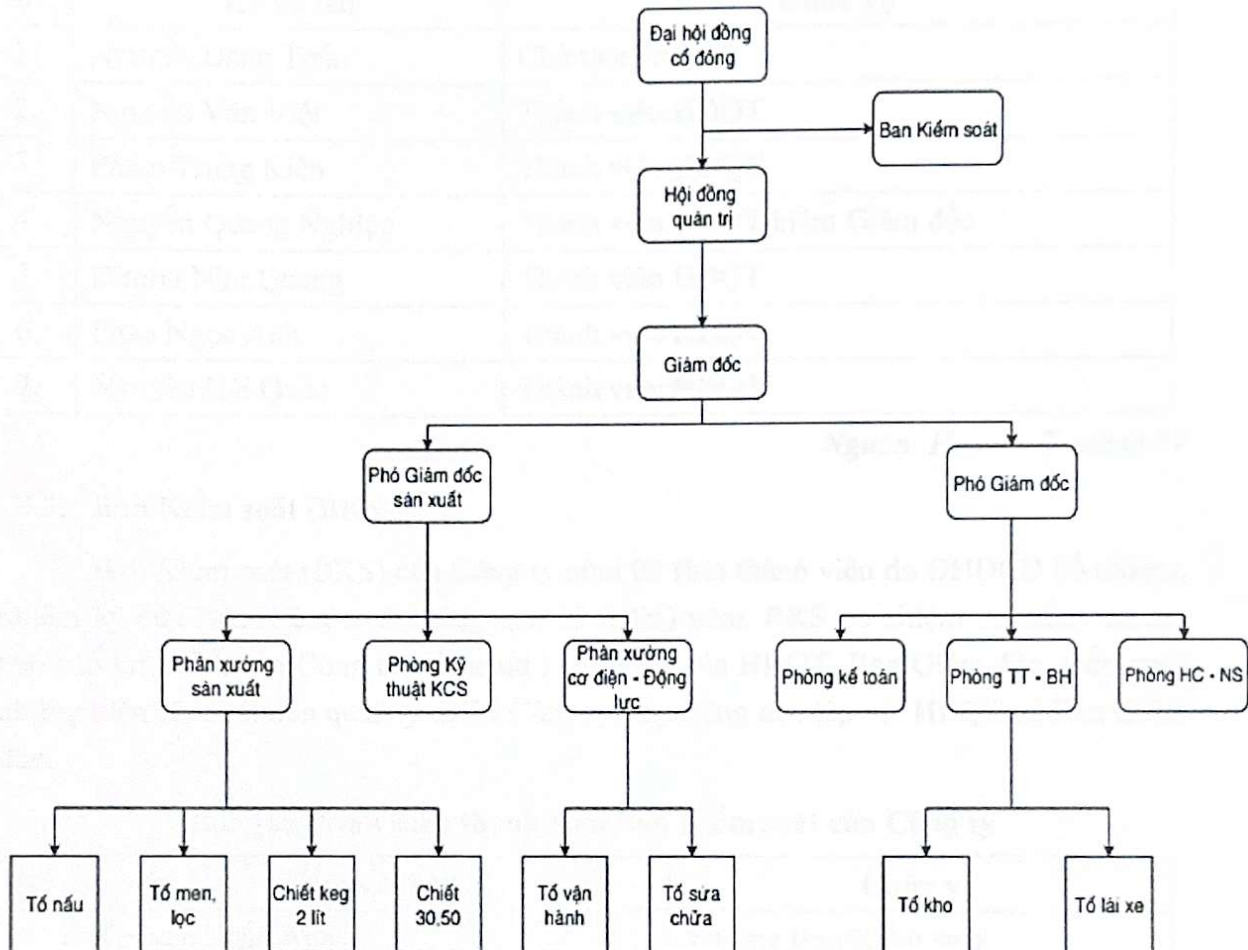
- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;

0270
TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI
BIA HÀ NỘI
HƯNG YÊN
T. H. H. 89

- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình: Cơ cấu quản trị và Bộ máy quản lý của Công ty



Nguồn: Habeco Trading 89

3.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định, thông qua định hướng phát triển Công ty. ĐHĐCĐ cũng là cơ quan bầu, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và quyết định về bộ máy của Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và



Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 07 thành viên, trong đó chỉ có 01 thành viên thuộc Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành các hoạt động của Công ty.

Bảng 1: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|-------------------------------|
| 1. | Nguyễn Đăng Toàn | Chủ tịch HĐQT |
| 2. | Nguyễn Văn Việt | Thành viên HĐQT |
| 3. | Phạm Trung Kiên | Thành viên HĐQT |
| 4. | Nguyễn Quang Nghiệp | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| 5. | Dương Như Quang | Thành viên HĐQT |
| 6. | Phan Ngọc Anh | Thành viên HĐQT |
| 7. | Nguyễn Hải Quân | Thành viên HĐQT |

Nguồn: Habeco Trading 89

3.3. Ban Kiểm soát (BKS)

Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty gồm 03 (ba) thành viên do ĐHCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. BKS có nhiệm vụ kiểm tra các báo cáo tài chính của Công ty, giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, kiến nghị những biện pháp cải tiến quản lý. BKS Công ty hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Bảng 2: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của Công ty

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|------------------|--------------------------|
| 1. | Nguyễn Tuấn Anh | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2. | Nguyễn Bá Ngọc | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3. | Nguyễn Việt Dũng | Thành viên Ban Kiểm soát |

Nguồn: Habeco Trading 89

3.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty gồm có 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.

Bảng 3: Danh sách thành viên Ban Giám đốc của Công ty

| Stt | Họ và tên | Chức vụ |
|-----|---------------------|----------------------------------|
| 1. | Nguyễn Quang Nghiệp | Giám đốc |
| 2. | Đào Thị Thu Hằng | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |
| 3. | Phạm Ngọc Hà | Phó Giám đốc |

Nguồn: Habeco Trading 89

3.5. Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ:

a. Phòng Hành chính Nhân sự:

➤ Chức năng

- Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản trị văn phòng; các công tác tổ chức bộ máy, nhân sự và phát triển nguồn nhân lực; công tác lao động tiền lương; BHXH, BHYT, công tác bảo vệ và bếp ăn tập thể.
- Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó Giám đốc phụ trách hành chính nhân sự.

➤ Nhiệm vụ

- Nhiệm vụ quản trị văn phòng:
 - ✓ Quản lý trang thiết bị, đồ dụng văn phòng các Phòng, Ban, Phân xưởng tại trụ sở Công ty;
 - ✓ Quản lý con dấu của Công ty, máy văn phòng, điện thoại Công ty;
 - ✓ Quản lý xe con, nhà làm việc, cảnh quan môi trường tại trụ sở Công ty;
 - ✓ Quản lý lưu trữ hồ sơ tài liệu, văn bản pháp lý của Công ty, chuyên văn bản đi, đến trụ sở Công ty;
 - ✓ Quản lý công tác an ninh, bảo vệ trong khuôn viên công ty và tổ chức bếp ăn tập thể cho cán bộ công nhân viên;
 - ✓ Tổ chức đón tiếp khách đến thăm quan, tổ chức Khánh tiết, Hội nghị, quà tặng.
- Nhiệm vụ tổ chức bộ máy và nhân sự – lao động tiền lương:
 - ✓ Quản lý nhân sự và việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động;
 - ✓ Quản lý lao động, tiền lương, xây dựng kế hoạch tổ chức lao động, tiền lương, định mức lao động và phương án trả lương cho người lao động, thực hiện việc thanh toán, tạm ứng lương cho người lao động của Công ty;
 - ✓ Đề xuất tổ chức nâng bậc, nâng lương, đào tạo và đào tạo lại theo quy định của pháp luật và quy chế của công ty.

✓

b. Phòng Tài chính Kế toán:**➤ Chức năng**

- Tham mưu, giúp việc Ban Giám đốc trong việc quản lý các hoạt động tài chính, kế toán, thống kê, hoạt động kinh tế theo các Quy chế hoạt động của Công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật;
- Chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp của phó Giám đốc phụ trách tài chính.

➤ Nhiệm vụ của Phòng Tài chính Kế toán

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tài chính, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Công ty;
- Chỉ đạo, hướng dẫn các cá nhân, đơn vị liên quan thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê trong toàn Công ty theo Luật Kế toán và các chuẩn mực kế toán hiện hành;
- Kiểm tra và ký xác nhận các chứng từ tạm ứng, thanh toán, kiểm tra các quyết toán, thanh lý hợp đồng kinh tế, các quyết toán nội bộ trước khi trình Giám đốc ký duyệt. Theo dõi quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ đúng chế độ quy định;
- Lập các phiếu thu, chi, hoàn ứng theo quy chế quản lý tài chính của Công ty;
- Quản lý giá thành sản phẩm, doanh thu, chi phí, các quỹ, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận;
- Lập các báo cáo các tài chính định kỳ, báo cáo thuế, quyết toán thuế, quyết toán vốn đầu tư XDCB cho Giám đốc, HĐQT và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- Theo dõi đôn đốc các cá nhân, đơn vị trong việc thu hồi tạm ứng, thu hồi công nợ.

c. Phòng TT – BH (Thị trường – Bán hàng):**➤ Chức năng**

- Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng và tổ chức bán hàng.

➤ Nhiệm vụ

- Xây dựng chiến lược kinh doanh của Công ty, kế hoạch phát triển, mở rộng sản phẩm lĩnh vực hoạt động kinh doanh;
- Xây dựng kế hoạch tiêu thụ năm, quý và tháng trình Giám đốc phê duyệt;
- Phát triển mạng lưới bán hàng: phân tích, nhận diện thị trường và xác định phương pháp triển khai thị trường mới;
- Xây dựng, tổ chức, thực hiện hoạt động chăm sóc khách hàng;
- Tiếp nhận đơn khiếu nại của khách hàng và đề xuất hướng giải quyết;

096
CÔNG
THU
BIA
HUNG
Y LAM

- Đề xuất hoạt động quảng cáo xúc tiến bán hàng;
- Tổ chức thực hiện ,quản lý hệ thống kho tàng, bến bãi, hàng hoá (X-N-T) trong công ty;
- Vận chuyển, lưu thông hàng hoá.

3.6. Các bộ phận sản xuất:

a. Phòng Kỹ thuật – KCS:

➤ Chức năng

- Tham mưu giúp việc cho Giám đốc, Phó Giám đốc sản xuất trong lĩnh vực quản lý điều hành sản xuất về chương trình phát triển KHKT & Công nghệ, quản lý chất lượng sản phẩm, vật tư, nguyên vật liệu đầu vào, quản lý vận hành, sửa chữa, an toàn các thiết bị sản xuất, thiết bị phân tích, thí nghiệm, phương tiện phục vụ ATVSTP, vệ sinh môi trường;
- Xây dựng và kiểm tra giám sát thực hiện hệ thống định mức KTKT, các dự án đầu XDCB, sửa chữa lớn.

➤ Nhiệm vụ

- Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nguyên vật liệu;
- Quy trình công nghệ sản xuất. quản lý bí quyết về công nghệ và quy trình công nghệ;
- Xây dựng kế hoạch giám sát chất lượng sản phẩm, lập kế hoạch chi đạo theo tháng, quý, năm;
- Xây dựng quy trình vệ sinh lao động, an toàn lao động cho các bộ phận;
- Giám sát thông số kỹ thuật theo ca sản xuất về việc tuân thủ quy trình công nghệ, quy trình vệ sinh và bảo dưỡng máy móc thiết bị tại các công đoạn chế biến;
- Tổ chức triển khai áp dụng tiến bộ KHKT, các cải tiến..., hợp lý hóa sản xuất, giám sát, nghiệm thu các công việc đầu tư được phân công;
- Quản lý hồ sơ máy móc thiết bị, hồ sơ ứng dụng công nghệ mới. Thiết lập, lưu trữ cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác nghiên cứu và thiết lập bộ sản phẩm của công ty. Quản lý hồ sơ liên quan tới công tác quản lý đăng ký chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường, các giấy phép liên quan tới sản xuất;
- Kiểm tra phân tích các chỉ tiêu kỹ thuật liên quan tới chất lượng sản phẩm từ nguyên vật liệu đầu vào đến chất lượng thành phẩm xuất kho, và các phẩm phẩm trả lại từ thị trường;
- Thống kê số liệu báo cáo các phòng chức năng liên quan tới sản xuất của Tổng Công ty và các cơ quan chức năng quản lý khác;

- Thường trực Ban chỉ đạo hệ thống ISO;
- Đề xuất các biện pháp giải quyết khi có sự cố phát sinh trong quá trình sản xuất, trình Ban giám đốc quyết định và phối hợp với các bên liên quan xử lý, giải quyết.

b. Phân xưởng sản xuất**➤ Chức năng**

- Tham mưu giúp việc cho Giám đốc và Phó Giám đốc về việc lập kế hoạch sản xuất, vật tư, quản lý điều hành trực tiếp khối sản xuất bao gồm nấu, lên men, lọc, chiết theo kế hoạch tháng, quý, năm đã được Giám đốc phê duyệt;
- Cung ứng vật tư nguyên vật liệu, vật tư phụ tùng sửa chữa cho sản xuất.
- Phân xưởng sản xuất gồm:
 - ✓ Tổ nấu: Tổ chức thực hiện quy trình sản xuất từ khâu nhận nguyên liệu đầu vào khi ra dịch lạnh bàn giao tổ lên men, lọc đảm bảo đúng quy trình và chất lượng sản phẩm;
 - ✓ Tổ lên men, lọc : Tổ chức thực hiện quy trình sản xuất từ nhận dịch lịch từ tổ nấu đến khi bàn giao bia sau lọc cho tổ chiết đảm bảo đúng quy trình và chất lượng sản phẩm;
 - ✓ Tổ chiết 1 lít, 2 lít: Tổ chức thực hiện quy trình sản xuất từ nhận dịch, nhận bia sau lọc đến khi chiết thành phẩm nhập kho đảm bảo đúng quy trình và chất lượng sản phẩm;
 - ✓ Tổ chiết 30, 50: Tổ chức thực hiện quy trình sản xuất từ nhận dịch, nhận bia sau lọc đến khi chiết thành phẩm nhập kho đảm bảo đúng quy trình và chất lượng sản phẩm
- Các tổ đi theo ca sản xuất chịu sự chỉ đạo trực tiếp trường ca sản xuất.

➤ Nhiệm vụ

- Lập kế hoạch sản xuất dựa trên kế hoạch kinh doanh trình lãnh đạo phê duyệt;
- Tổ chức điều hành sản xuất, quản lý các nguồn lực của phân xưởng và đảm bảo chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn quy định; bảo đảm các tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật và an toàn máy móc thiết bị, an toàn VSTP, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;
- Đảm bảo kế hoạch và tiến độ sản xuất, tổ chức triển khai các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện các quy trình sản xuất, quy trình VSTP, an toàn lao động đã được ban hành;
- Lập kế hoạch vật tư, nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ sản xuất, vật tư phụ tùng sửa chữa thay thế,... trên nhu cầu của từng bộ phận sản xuất đã được phê duyệt.

1055
PHÂN
ẠI
VỢI
189
YG YÊ

Sau đó, tổ chức thu mua theo quy trình mua hàng đã được ban hành;

- Thực hiện báo cáo định cho Ban giám đốc theo quy định;
- Phối hợp với các phòng ban liên quan đưa ra các biện pháp giải quyết khi có sự cố phát sinh trong quá trình sản xuất;
- Phối hợp với các phòng ban, phân xưởng thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ và theo kế hoạch được duyệt.

c. Phân xưởng cơ điện – động lực

➤ Chức năng

- Tham mưu giúp việc cho Giám đốc và Phó Giám đốc về việc quản lý, sửa chữa hệ thống thiết bị nhà máy và cung cấp đủ nước, hơi, nhiệt lạnh và giám sát, sửa chữa đảm bảo an toàn thiết bị cho nhu cầu sản xuất. Đảm bảo, thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải mà Công ty đã đăng ký.

Phân xưởng cơ điện – Động lực gồm :

- ✓ Tổ vận hành: Vận hành các thiết bị tại phân xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất của công ty (Máy lạnh, lò hơi, hệ thống xử lý nước cấp, nước thải,...);
- ✓ Tổ sửa chữa: Chịu trách nhiệm sửa chữa máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

➤ Nhiệm vụ

- Quản lý, lên kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc, máy móc thiết bị toàn Công ty;
- Thực hiện sửa chữa hệ thống máy móc thiết bị định kỳ theo kế hoạch và sự cố đột xuất xảy ra trong quá trình sản xuất;
- Quản lý các nguồn lực của phân xưởng, đảm bảo chất lượng nước, hơi, nhiệt lạnh theo các tiêu chuẩn quy định, an toàn máy móc thiết bị, an toàn VSTP, an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;
- Thực hiện đăng ký kế hoạch công việc, kế hoạch vật tư hàng tháng theo quy định của Công ty;
- Đảm bảo cung cấp đúng, đủ các nguồn lực cho yêu cầu sản xuất, tổ chức triển khai các ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

4. Cơ cấu cổ đông:

4.1. Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/4/2024:

| Stt | Họ và tên | CMND/CCCD/ Hộ chiếu/ GCNĐKKD | Địa chỉ | Số lượng CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|------------------|---|------------------------------------|---|-----------------------|--------------|
| 1 | CTCP Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam | 4103005778 | Tòa nhà 20 – 24 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 1.200.000 | 20,0% |
| 2 | CTCP Thương mại Bia Hà Nội | 0102111943 | Số 183 - Phố Hoàng Hoa Thám - P. Ngọc Hà - Q. Ba Đình - Tp. Hà Nội | 750.000 | 12,5% |
| 3 | Công ty TNHH Hải Hà | 2700117977 | Số 22 Cát Linh – Tân Thành – Tp. Ninh Bình | 670.000 | 11,2% |
| 4 | Trương Thị Hòa | 010402149 | Số 15 ngõ 71 Linh Lang – Cống Vị - Ba Đình – Tp. Hà Nội | 620.000 | 10,3% |
| 5 | Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Hà Nội | 0101376672 | Số 183 - Phố Hoàng Hoa Thám - P. Ngọc Hà - Q. Ba Đình - Tp. Hà Nội | 300.000 | 5,0% |
| Tổng cộng | | | | 3.540.000 | 59.0% |

Nguồn: Habeco Trading 89

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập tính đến thời điểm ngày 15/4/2024:

Theo quy định tại khoản 3, Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”. Như vậy, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Công ty được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp dưới hình thức là công ty cổ phần vào ngày 14/05/2007. Vì vậy, tính đến thời điểm hiện tại, cổ phần của cổ đông sáng lập không bị hạn chế chuyển nhượng.

4.3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 15/4/2024:

| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------------------|------------------|--------------|-----------|
| I | Cổ đông trong nước, nước ngoài | | | |
| 1 | Trong nước | 105 | 6.000.000 | 100,0% |
| 1.1 | Nhà nước | - | - | - |

| Stt | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----------|---|------------------|------------------|---------------|
| 1.2 | Tổ chức | 4 | 2.920.000 | 48,67% |
| 1.3 | Cá nhân | 101 | 3.080.000 | 51,33% |
| 2 | Nước ngoài | - | - | - |
| 2.1 | Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | - | - | - |
| 2.2 | Cá nhân | - | - | - |
| | Tổng cộng | 105 | 6.000.000 | 100,0% |
| II | Cổ đông lớn, cổ đông khác | | | |
| 1 | Cổ đông lớn | 5 | 3.540.000 | 59,0% |
| 2 | Cổ đông khác | 100 | 2.460.000 | 41,0% |
| | Tổng cộng | 105 | 6.000.000 | 100,0% |

Nguồn: Habeco Trading 89

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty đại chúng, những công ty mà Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng:

5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty đại chúng.

Không có.

5.2. Công ty con, công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

Không có.

5.3. Danh sách Công ty liên kết

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh, sản phẩm chính của Công ty:

- ❖ Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:
 - Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bao Bì, nước giải khát, rượu bia và cho thuê kho bãi
- ❖ Các sản phẩm của Công ty bao gồm:



Bia tươi 1 lít

Thành phần: nước, malt đại mạch, hoa Houblon, men

Hàm lượng chất tan ban đầu (% khối lượng): 10.3

Hàm lượng cồn ở 20°C: 4,5

Bao bì: Bia được đóng trong keg inox dung tích 1 lít, có dán nhãn và đóng nắp niêm phong in logo Công ty

Nhiệt độ bảo quản: 4 – 6°C

Hạn sử dụng: 30 ngày kể từ ngày sản xuất

Bia tươi Hà Nội

Thành phần: 100% malt đại mạch, hoa Houblon

Bao bì: Bia được đóng trong keg dung tích 20 lít làm bằng thép không rỉ

Hạn sử dụng: Theo tiêu chuẩn của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.



Bia hơi keg 30, 50 lít

Thành phần: nước, malt đại mạch, hoa Houblon, men

Hàm lượng chất tan ban đầu (% khối lượng): 9,9 – 10,2

Hàm lượng cồn ở 20°C: 4,1 ± 0,3

Bao bì: Bia được đóng trong keg dung tích 30 lít, 50 lít làm bằng thép không rỉ, có in hoặc dập nổi nhãn hiệu và đóng nắp niêm phong in logo Tổng Công ty

Nhiệt độ bảo quản: 4 – 14°C

Hạn sử dụng: Theo tiêu chuẩn của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.



100%

CTC
JONG
HÀ
NG YI

M-T-F

Draft Beer 89

Thành phần: nước, malt đại mạch, hoa Houblon, men

Hàm lượng chất tan ban đầu (% khối lượng): 10,4 – 10,5

Hàm lượng cồn ở 20°C: 4,2 – 4,4

Bao bì: Bia được đóng chai PET dung tích 1,5 lít, có dán nhãn và đóng nắp niêm phong

Nhiệt độ bảo quản: 4 – 6°C

Hạn sử dụng: 20 ngày kể từ ngày sản xuất



Bia hơi 2 lít

Thành phần: nước, malt đại mạch, hoa Houblon, men

Hàm lượng chất tan ban đầu (% khối lượng): 10,5

Hàm lượng cồn ở 20°C: 4,5

Bao bì: Bia được đóng chai keg inox dung tích 2 lít, có dán nhãn và đóng nắp niêm phong in logo Công ty

Nhiệt độ bảo quản: 4 – 6°C

Hạn sử dụng: Theo tiêu chuẩn của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

6.2. Cơ cấu doanh thu thuần

6.2.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2021, 2022 và 2023

Đvt: 1.000 đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|-----|--|-------------|-------------|-------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 140.644.236 | 224.767.491 | 253.151.941 |
| 2 | Lợi nhuận sau thuế | 4.016.653 | 9.600.970 | 4.068.276 |
| 3 | Nộp ngân sách nhà nước | 5.786.959 | 6.447.922 | 30.788.463 |
| 4 | Chi phí nhân công | 28.809.824 | 41.680.452 | 44.432.381 |

Nguồn: Habeco Trading 89

6.2.2. Cơ cấu doanh thu thuần theo từng sản phẩm trong năm 2021, 2022 và 2023

Đvt: Triệu đồng

| Sản phẩm | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|----------|----------|----------|----------|
| | | | |

10055
PHẦN
MẠI
NỘI
N 89
HUNG YÊN

| | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị (VND) | Tỷ trọng/ DTT (%) | Giá trị | Tỷ trọng/ DTT (%) |
|------------------|----------------|-------------------------|------------------|-------------------------|----------------|-------------------------|
| Bia hơi HN | 250.941 | 94,96 | 287.528 | 91,86 | 242.809 | 85,85 |
| Bia địa phương | 13.607 | 5,14 | 25.465 | 8,14 | 39.991 | 14,15 |
| Tổng cộng | 264.548 | 100 | 312.993 | 100 | 282.801 | 100 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và 2023 của Công ty

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần nhất.

Đvt: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|-------------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Tổng giá trị tài sản | 146.948 | 152.992 | 195.649 |
| Doanh thu thuần | 140.644 | 215.692 | 244.645 |
| Giá vốn hàng bán | 104.123 | 150.229 | 182.252 |
| Lợi nhuận gộp | 36.521 | 65.463 | 62.393 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 26 | 846 | 1.964 |
| Chi phí tài chính | 718 | 136 | 216 |
| Chi phí bán hàng | 21.176 | 36.551 | 39.543 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 10.269 | 17.682 | 19.043 |
| Lợi nhuận thuần từ HĐKD | 4.385 | 11.940 | 5.555 |
| Lợi nhuận khác | 384 | 206 | -328 |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 4.770 | 12.146 | 5.227 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 753 | 2.545 | 1.159 |
| Lợi nhuận sau thuế | 4.017 | 9.601 | 4.068 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022 và 2023 của Công ty.

Năm 2023 là năm có nhiều biến động do tình hình kinh tế - chính trị thế giới diễn biến phức tạp dẫn đến khủng hoảng năng lượng, lạm phát, làm cho giá nguyên vật liệu giữ ở mức cao. Những yếu tố này đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thu nhập của người tiêu dùng giảm, từ đó ảnh hưởng lớn đến sức mua những sản phẩm không thiết yếu như bia, rượu, nước giải khát.

Trong năm 2023, doanh thu thuần của Công ty đạt 244.645 triệu đồng, tăng 13.42% so với năm 2022. Tuy nhiên, do giá vốn hàng bán năm 2023 lên đến 182.252 triệu đồng, tăng 32.023 triệu đồng so với năm 2022 dẫn đến việc lợi nhuận gộp năm 2023 giảm 4,69% so với năm 2022, đạt 62.393 triệu đồng. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác cũng ghi nhận mức giảm mạnh dẫn đến mức lợi nhuận sau thuế năm 2023 của

Công ty chỉ đạt 4.068 triệu đồng, giảm hơn 50% so với năm 2022.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành

Habeco Trading 89 được thành lập vào ngày 14/05/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 30.000.000.000 đồng. Đến năm 2015, vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên đến 60.000.000.000 đồng thông qua phương thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty bao gồm sản xuất các loại bia; chưng, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh, sản xuất rượu vang, đồ uống không cồn, nước khoáng; sản xuất, mua bán vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu ngành bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh khách sạn, dịch vụ nhà hàng, ăn uống; kinh doanh vận tải hàng hoá; kinh doanh nông, lâm, thủy sản; kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh phân bón, hoá chất.

Những năm gần đây Công ty gặp nhiều khó khăn do giá nguyên vật liệu tăng làm cho giá thành sản phẩm tăng cao, cùng với đó là tình trạng cạnh tranh gay gắt trên thị trường dẫn đến sức mua của người tiêu dùng giảm. Trước những khó khăn nêu trên, được sự chỉ đạo Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cùng với nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã triển khai đồng thời nhiều giải pháp để ứng phó với đà tăng giá của hàng hóa, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm ổn định sản xuất, tiêu thụ, xây dựng các chính sách, chương trình hỗ trợ khách hàng nhằm đẩy mạnh tiêu thụ và nỗ lực hoàn thành một cách tốt nhất các mục tiêu kế hoạch kinh doanh đã được giao.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Nền kinh tế Việt Nam thuộc nhóm phát triển nhanh với GDP và thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng, tốc độ đô thị hóa nhanh. Dân số Việt Nam đang trên đà tăng, đồng thời Việt Nam là một trong những quốc gia đông dân trong khu vực có cơ cấu dân số nằm trong thời kỳ “dân số trẻ”. Đây là những nhân tố giúp thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ và hỗ trợ cho sự tăng trưởng trong tương lai của thị trường bia Việt Nam.

Tuy nhiên, trong năm 2019, thị trường sản xuất - kinh doanh bia, rượu đón nhận hai tác động chính sách lớn. Một là, Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia (ban hành ngày 14/6/2019), với một trong những hành vi bị cấm là “điều khiển phương tiện giao thông mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”. Hai là, ngày 30/12/2019, Chính phủ ban hành Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Trong bối cảnh Nhà nước thực hiện các chính sách siết chặt xử phạt đối với người điều khiển ô tô, xe máy có sử dụng rượu bia tại các tỉnh, thành phố đã khiến lượng tiêu thụ bia giảm đáng kể.

Sau Covid 19, thói quen chi tiêu của người Việt đang có xu hướng giảm, người dân có xu hướng tăng chi tiêu cho những sản phẩm tốt cho sức khỏe thay vì các đồ uống có cồn. Đồng thời tâm lý chuộng hàng ngoại của người Việt cũng sẽ là thách thức lớn với các hãng bia nội địa.

Bên cạnh đó, tình hình kinh tế chính trị thế giới vẫn còn nhiều biến động, lạm phát, giá nguyên liệu đầu vào tăng là nguyên nhân gây ra sụt giảm đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp ngành bia trong năm 2023. Để ngăn chặn rơi vào suy thoái, nhiều doanh nghiệp rượu, bia buộc phải tái cấu trúc hoạt động để thích ứng với biến động thị trường và thực hiện đồng thời nhiều giải pháp để tối ưu hóa trong sản xuất và thúc đẩy tiêu thụ, cụ thể như: tăng chi khoản chiết khấu thương mại; đẩy mạnh cắt giảm chi phí, tiền chi cho quảng cáo, khuyến mãi.

Về mặt tích cực, thị trường bia tiếp tục chứng kiến sự chuyển dịch nhu cầu khách hàng từ phân khúc cận cao cấp xuống phổ thông, đây là cơ hội cho những hãng bia nội có sản phẩm bình dân thu hẹp khoảng cách lợi nhuận với doanh nghiệp bia ngoại hoặc doanh nghiệp nội ở phân khúc cao hơn. Năm 2024 tiếp tục mang đến cơ hội “vàng” cho ngành bia Việt Nam với cơ cấu dân số vàng, thu nhập tăng mạnh; tiềm năng lớn của phân khúc “bia không cồn” và tiềm năng về thị trường xuất khẩu. Việc chuyển hướng kinh doanh từ kênh tiêu dùng tại chỗ sang kênh mua về được nhiều hãng bia áp dụng, các hãng bia đặt cửa hàng bán lẻ trên các sàn thương mại điện tử như Tiki, Lazada, Shopee giúp phục vụ tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của người dân.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong năm 2023, với sự đoàn kết, đồng lòng, tinh thần trách nhiệm cao và sự sáng tạo, quyết tâm trên mọi lĩnh vực hoạt động của cán bộ công nhân viên HABECO TRADING 89, từ các cấp lãnh đạo cao nhất đến người lao động HABECO TRADING 89 đã nỗ lực hết sức để hoàn thành cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra.

Những tác động đến từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP, đại dịch Covid-19 và biến động tiêu cực của tình hình kinh tế - chính trị thế giới đã tạo ra động lực để HABECO TRADING 89 nghiên cứu và cho ra mắt các dòng sản phẩm mới, bao gói tiện dụng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Các hoạt động truyền thông, marketing thương hiệu và các sản phẩm của HABECO TRADING 89 cũng được đẩy mạnh trên nền tảng số - kênh truyền thông tiếp cận người tiêu dùng hiệu quả nhất hiện nay. Cùng với đó, các hoạt động giới thiệu sản phẩm tại điểm bán, chương trình khuyến mại với giá trị giải thưởng lớn cũng được HABECO TRADING 89 đẩy mạnh vào dịp cuối năm, thu hút nhiều tầng lớp người tiêu dùng tham gia.

Cùng với việc đổi mới công nghệ thân thiện với môi trường, chiến lược phát triển bền vững được HABECO TRADING 89 cụ thể hóa qua các hoạt động vì cộng đồng và môi trường mà doanh nghiệp góp mặt.

HABECO TRADING 89 luôn tích cực thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, từ thiện xã hội với hiệu quả cao và ngày càng thiết thực.

Thực hiện chính sách đối với người lao động theo đúng Bộ Luật Lao động và các quy



định của Nhà nước, chú trọng cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, người lao động được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ phù hợp với các nhóm đối tượng học viên, cụ thể theo từng chức danh, vị trí công việc.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1. Số lượng lao động trong Công ty:

Số lượng người lao động của công ty tại thời điểm 31/12/2024 là 110 người. Cụ thể như sau:

| STT | Trình độ | Số lượng (người) |
|-----|-------------------------|------------------|
| 1 | Trình độ trên Đại học | 4 |
| 2 | Trình độ Đại học | 45 |
| 3 | Trình độ Cao đẳng | 9 |
| 4 | Trình độ Trung cấp/Nghề | 17 |
| 5 | Lao động phổ thông | 35 |
| | Tổng số | 110 |

Nguồn: Habeco Trading 89

9.2. Chính sách đối với người lao động

Mặc dù có những khó khăn chung về tình hình dịch bệnh Covid-19, song công ty vẫn đảm bảo tiền lương cho người lao động trên cơ sở sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực và tăng năng suất lao động, hạn chế việc thuê lao động thời vụ. Tiền lương của người lao động được cải thiện, bình quân 10,5 triệu đồng/tháng.

Công ty đã tiến hành tổ chức Hội nghị người lao động, và tổ chức ngày hội gia đình để tăng tính đoàn kết, gắn bó giữa tập thể và gia đình cán bộ công nhân viên trong công ty.

Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo quy định nhà nước cũng như quy chế của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh hàng năm có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty qua các năm như sau:

| Chỉ tiêu | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 (dự kiến) |
|-------------------|----------|----------|----------|--------------------|
| Hình thức chi trả | Tiền mặt | Tiền mặt | Tiền mặt | Tiền mặt |
| Tỷ lệ (%) | 7,0 | 9,0 | 10,0 | 5,0% |

Nguồn: Habeco Trading 89

11. Tình hình tài chính

11.1. Khấu hao tài sản cố định:

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/6/2013 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định”. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

| Loại tài sản | Thời gian khấu hao |
|---------------------------|--------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 05 – 15 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 – 10 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 06 – 10 năm |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của Habeco Trading 89

11.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty đã thực hiện tốt các nghĩa vụ công nợ cho các nhà cung cấp và đối tác, hiện Công ty không có bất cứ khoản nợ nào đến hạn hoặc quá hạn. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong các năm qua.

11.3. Các khoản phải nộp, phải thu theo luật định:

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Đơn vị: Đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2023 |
|----------------------------|----------------|----------------|----------------|
| Thuế phải nộp | | | |
| Thuế GTGT | 12.880.225.326 | 26.440.983.293 | 25.455.069.964 |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 354.032.530 | 2.149.074 | 646.630.736 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 2.483.322.134 | 1.158.553.716 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 460.641.541 | 496.434.451 | 834.969.819 |
| Thuế tài nguyên | 130.220.000 | 151.176.000 | 139.520.000 |
| Thuế đất, tiền thuê đất | 100.432.350 | 190.678.725 | 161.785.350 |
| Thuế, các khoản khác | 9.925.662 | 12.147.430 | 5.883.219 |

| | | | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng | 13.935.477.409 | 29.776.891.107 | 28.402.412.804 |
| Thuế GTGT và thuế phải thu | | | |
| Thuế GTGT khấu trừ | 1.805.186.483 | - | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 9.333.186.432 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 753.111.002 | 61.391.237 | - |
| Tổng | 11.891.483.917 | 61.391.237 | 0 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của Habeco Trading 89

11.4. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

11.5. Tình hình công nợ hiện nay:

11.5.1. Các khoản phải thu

Đvt: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2023 |
|------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 5.309.105.023 | 12.807.676.087 | 16.300.313.121 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4.815.428.457 | 8.479.756.952 | 7.277.673.184 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 486.121.419 | 4.400.363.988 | 8.913.366.291 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 7.555.147 | 7.555.147 | 189.273.646 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 0 | -80.000.000 | -80.000.000 |
| Tổng | 5.309.105.023 | 12.807.676.087 | 16.300.313.121 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của Habeco Trading 89.

11.5.2. Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2023 |
|-----|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Nợ ngắn hạn | 60.208.903.917 | 61.621.946.084 | 108.619.763.034 |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 4.633.656.178 | 1.461.314.013 | 13.313.832.351 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 24.211.367 | 675.826.211 | 1.251.946.040 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 5.786.959.417 | 6.447.922.051 | 30.788.462.563 |
| 4 | Phải trả người lao động | 4.218.691.903 | 6.680.272.837 | 5.833.644.886 |
| 5 | Phải trả ngắn hạn khác | 42.743.032.893 | 45.966.657.808 | 56.207.177.675 |

| | | | |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng | 13.935.477.409 | 29.776.891.107 | 28.402.412.804 |
| Thuế GTGT và thuế phải thu | | | |
| Thuế GTGT khấu trừ | 1.805.186.483 | - | - |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 9.333.186.432 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 753.111.002 | 61.391.237 | - |
| Tổng | 11.891.483.917 | 61.391.237 | 0 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của Habeco Trading 89

11.4. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ và quy định của pháp luật hiện hành. Việc trích lập các quỹ hàng năm căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và do Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

11.5. Tình hình công nợ hiện nay:

11.5.1. Các khoản phải thu

Đvt: đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2023 |
|------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 5.309.105.023 | 12.807.676.087 | 16.300.313.121 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 4.815.428.457 | 8.479.756.952 | 7.277.673.184 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 486.121.419 | 4.400.363.988 | 8.913.366.291 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 7.555.147 | 7.555.147 | 189.273.646 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 0 | -80.000.000 | -80.000.000 |
| Tổng | 5.309.105.023 | 12.807.676.087 | 16.300.313.121 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của Habeco Trading 89.

11.5.2. Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: đồng

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2023 |
|-----|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| | Nợ ngắn hạn | 60.208.903.917 | 61.621.946.084 | 108.619.763.034 |
| 1 | Phải trả người bán ngắn hạn | 4.633.656.178 | 1.461.314.013 | 13.313.832.351 |
| 2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 24.211.367 | 675.826.211 | 1.251.946.040 |
| 3 | Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 5.786.959.417 | 6.447.922.051 | 30.788.462.563 |
| 4 | Phải trả người lao động | 4.218.691.903 | 6.680.272.837 | 5.833.644.886 |
| 5 | Phải trả ngắn hạn khác | 42.743.032.893 | 45.966.657.808 | 56.207.177.675 |

| STT | Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2023 |
|-----|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| 6 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.599.999.896 | - | - |
| 7 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.202.352.263 | 389.953.164 | 1.224.699.519 |
| | Nợ dài hạn | 367.395.979 | - | - |
| 1 | Vay nợ thuê tài chính dài hạn | 367.395.979 | - | - |
| | Tổng nợ phải trả | 60.576.299.896 | 61.621.946.084 | 108.619.763.034 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của Habeco Trading 89

11.6. Hàng tồn kho

| STT | Loại hàng hóa | 31/12/2021 | 31/12/2022 | 31/12/2023 |
|-----|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Nguyên liệu, vật liệu | 11.357.014.759 | 13.040.369.721 | 13.905.758.415 |
| 2 | Công cụ, dụng cụ | 5.486.127.595 | 1.398.001.843 | 4.151.621.172 |
| 3 | Chi phí sản xuất kinh doanh | 4.173.595.095 | 3.951.507.527 | 4.532.447.463 |
| 4 | Thành phẩm | 214.723.886 | 147.003.192 | 224.798.234 |
| 5 | Hàng hóa | 50.038.311 | 137.707.920 | 36.065.328 |
| | Tổng | 21.281.499.646 | 18.674.590.203 | 22.850.690.612 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của Habeco Trading 89

11.7. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty

| Các chỉ tiêu | ĐVT | 2021 | 2022 | 2023 |
|---|------|------|------|------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | Lần | 0,43 | 0,52 | 0,64 |
| Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | Lần | 0,27 | 0,34 | 0,39 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | | |
| Nợ/ Tổng tài sản | Lần | 0,53 | 0,53 | 0,42 |
| Nợ/ Vốn chủ sở hữu | Lần | 1,11 | 1,12 | 0,73 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | | |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | Lần | 0,96 | 1,4 | 1,25 |
| Vòng quay hàng tồn kho: GVBH/ Hàng tồn kho bình quân | Vòng | 4,89 | 8,04 | 7,97 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | | |
| Hệ số LNST/ Doanh thu thuần | % | 2,85 | 4,45 | 1,66 |

| Các chỉ tiêu | ĐVT | 2021 | 2022 | 2023 |
|-----------------------------------|-----|------|-------|------|
| Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 4.65 | 10.51 | 4.67 |
| Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA) | % | 2.73 | 6.28 | 2.08 |
| Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần | % | 3.12 | 5.54 | 2.27 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2021, 2022, 2023 của Habeco Trading 89

12. Tài sản

12.1. Tài sản cố định của Công ty tại 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

| Khoản mục | Nguyên giá | Hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|---------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 247.897.735.578 | 187.129.194.849 | 71.626.654.756 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 38.565.294.280 | 18.183.278.861 | 20.382.015.419 |
| Máy móc thiết bị | 201.322.118.417 | 157.685.413.225 | 43.636.705.192 |
| Phương tiện vận tải | 18.309.255.994 | 10.769.592.816 | 7.539.663.178 |
| Dụng cụ quản lý | 559.180.914 | 490.909.947 | 68.270.967 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Công ty.

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

13.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

| Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | |
|------------------------------|-------------|-------------|--------------------------|
| | | Thực hiện | % tăng giảm so với trước |
| Doanh thu thuần (1.000 đồng) | 215.691.990 | 244.644.915 | 11.3% |
| LNST (1.000 đồng) | 9.600.970 | 4.068.276 | -42.4% |
| Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần | 4.6% | 1.7% | -37% |
| Tỷ lệ LNST/Vốn chủ sở hữu | 10.5% | 4.7% | -44.8% |
| Tỷ lệ cổ tức (dự kiến) | 11% | 7% | -63.7% |

Nguồn: Habeco Trading 89

13.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

13.3.1. Giải pháp về sản phẩm và thị trường:

- Nỗ lực tập trung bám sát giữ vùng địa bàn trọng điểm và mở rộng vùng địa bàn bị suy giảm sản lượng;
- Hoàn thiện chính sách bán hàng. Tập trung xây dựng hình ảnh thiết bị quảng cáo, vỏ keg, nhận diện rõ ràng theo form chuẩn tránh để các đơn vị giả nhái lợi dụng;
- Bố trí nhân viên thị trường bám sát đến từng điểm bán lớn của các đại lý và nhà phân

phối lớn ở những vùng địa bàn trọng điểm chiếm sản lượng lớn của công ty. Từng bước công ty đầu tư hỗ trợ trực tiếp đến các điểm bán lớn để giữ vững hệ thống, thị phần, nhận diện tránh sự xâm thực của các hãng khác;

- Đánh giá tình hình thị trường Bia hơi Hà Nội 30-50 lít, 2 lít, 1 lít cũng như chính sách bán hàng của các đơn vị cùng kinh doanh sản phẩm mang thương hiệu chung trong Tổng công ty để có đối sách hợp lý, giữ vững địa bàn bán hàng đã được phân vùng.

13.3.2. Giải pháp về sản xuất:

- Tập trung mọi nguồn lực và đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra;
- Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị chuẩn bị cho mùa vụ các năm sau;
- Nghiên cứu sản phẩm mới, đa dạng hoá sản phẩm, tận dụng năng lực sản xuất và thị trường hiện có.

13.3.3. Giải pháp về tài chính

- Các chế độ về sổ sách, báo cáo tài chính với cơ quan chức năng thực hiện đầy đủ;
- Thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi tiêu chưa thực sự cần thiết, cân đối thu chi đảm bảo hoạt động tài chính có hiệu quả;
- Vận dụng các chính sách hỗ trợ của nhà nước;
- Thực hiện nộp ngân sách đầy đủ.

13.3.4. Giải pháp về lao động và tiền lương

- Đảm bảo nguồn nhân sự theo nhu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo các nội quy, quy chế nội bộ và quy định của pháp luật.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

15.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh

- Nâng cao chất lượng quản trị, hoàn thiện hệ thống các quy chế quản trị nội bộ;
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành, tạo cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn sâu, có kinh nghiệm;
- Đẩy mạnh chiến lược phát triển thị trường, bảo vệ thương hiệu, phát triển hệ thống

phân phối sản phẩm Bia hơi của Công ty;

- Ban hành phương án kinh doanh, tăng năng lực sản xuất, mở rộng thị trường, tăng sản lượng tiêu thụ.

15.2. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Củng cố và giữ vững, phát triển thị trường bia hơi 30,50 lít;
- Đẩy mạnh và phát triển thị trường bia 2 lít, 1 lít, chai pet;
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc, đảm bảo thực hiện hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty;
- Hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- Nâng cao chất lượng quản trị, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng;
- Đảm bảo đời sống, thu nhập và việc làm cho người lao động.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Danh sách Hội đồng quản trị:

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|---------------------|-------------------------------|
| 1 | Nguyễn Đăng Toàn | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Nguyễn Văn Việt | Thành viên HĐQT |
| 3 | Phạm Trung Kiên | Thành viên HĐQT |
| 4 | Nguyễn Quang Nghiệp | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |
| 5 | Dương Như Quang | Thành viên HĐQT |
| 6 | Phan Ngọc Anh | Thành viên HĐQT |
| 7 | Nguyễn Hải Quân | Thành viên HĐQT |

2. Sơ yếu lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị:

2.1. Ông Nguyễn Đăng Toàn - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Đăng Toàn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/11/1978
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: P222- C4, Giảng Võ, Ba Đình, Tp. Hà Nội

102
 TY CỔ
 NG
 TÀ
 YÊN
 T. HU

- CMND: 0113110354 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội Ngày cấp: 31/08/2011
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|--------------------------|
| 04/2001 - 04/2003 | Kiểm toán Nhà nước Khu vực phía Bắc | Kiểm toán viên |
| 04/2003 - 10/2008 | Kiểm toán Nhà nước Khu vực I | Kiểm toán viên |
| 04/2003 - 10/2008 | Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành 6 | Kiểm toán viên |
| 10/2008 - 03/2010 | Phòng Dự án CTCP Đầu tư và phát triển HABECO | Chuyên viên |
| 10/2010 - 03/2019 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội- Hưng Yên89 | Ủy viên HĐQT Giám đốc |
| 03/2019 - 03/2021 | Công Ty TNHH MTV Thương Mại HABECO | Giám đốc |
| | Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội- Hưng Yên89 | Ủy viên HĐQT |
| 03/2021 đến nay | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Chủ tịch HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 185.500 cổ phần (tương đương 3,09% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 180.000 cổ phần (tương đương 3% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
 - Nguyễn Đặng Tuấn (anh trai): sở hữu 50.000 cổ phần (tương đương 0,83% vốn điều lệ Công ty)
 - Nguyễn Thị Minh Thu (Chị Dâu): sở hữu 5.000 cổ phần (tương đương 0,083% vốn điều lệ Công ty)
 - Trương Thị Hoà (Mẹ vợ): sở hữu 620.000 cổ phần (tương đương 10,33% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Thù lao giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2.2. Ông Nguyễn Văn Việt - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Văn Việt
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 04/10/1948
- Nơi sinh: Phú Lâm – Tiên Du – Bắc Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 15- ngách 71/7, Linh Lang, Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
- CMTND: 027048000168 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Ngày cấp: 15/03/2019
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Phó giáo sư, tiến sĩ
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hiệp hội Bia – Rượu – NGK Hà Nội
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|---|--|
| 1967 - 1972 | Đại học Tổng hợp Lomonoxop – Liên xô | Sinh viên |
| 1972 - 1978 | Viện Công nghiệp Thực phẩm | Cán bộ khoa học kỹ thuật |
| 1978 - 1996 | Viện Công nghiệp Thực phẩm | Phó Viện trưởng |
| 1996 - 2002 | Viện Nghiên cứu Rượu- bia | Viện trưởng |
| 2002 - 2010 | Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Hà Nội | Tổng Giám đốc |
| 2010 - 02/2019 | Hiệp hội Bia – Rượu – NGK | Chủ tịch |
| 03/2019 đến nay | Hiệp hội Bia – Rượu – NGK Hà Nội; CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Chủ tịch Hiệp hội Bia – Rượu – NGK Hà Nội kiêm Thành viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 620.000 cổ phần (Tương đương 10,3% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
Trương Thị Hoà (vợ): sở hữu 620.000 cổ phần (tương đương 10,33% vốn điều

lệ Công ty)

Nguyễn Đăng Toàn (Con rể): sở hữu 185.500 cổ phần (tương đương 3,09% vốn điều lệ Công ty)

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị

2.3. Ông Phạm Trung Kiên - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Phạm Trung Kiên
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 05/04/1970
- Nơi sinh: Xã Bạch Sam, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 64 Ngõ 5, Tổ 8, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- CMTND: 013350289 Nơi cấp: Công an TP Hà Nội Ngày cấp: 28/05/2011
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Công nghệ thực phẩm
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|-------------------|
| 11/1993 - 11/2000 | Phòng Kỹ thuật công nghệ - KCS, Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Hà Nội Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Hà Nội | Kỹ sư |
| 11/2000 - 06/2003 | Phòng Kỹ thuật công nghệ - KCS, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Hà Nội | Phó trưởng phòng |
| 07/2003 - 06/2004 | Phòng Kỹ thuật công nghệ - KCS, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Hà Nội | Phó trưởng phòng |
| 07/2004 - 02/2016 | Phòng Kỹ thuật công nghệ - KCS, Tổng CTCP Bia – Rượu – NGK Hà Nội | Trưởng phòng |
| 02/2016 - 7/2019 | Phòng Kỹ thuật, Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK HN | Trưởng phòng |
| | CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Chủ tịch HĐQT |
| 08/2019 - 02/2021 | Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Hà Nội | Phó Tổng giám đốc |
| | CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Chủ tịch HĐQT |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|--|-------------------|
| 03/2021 đến nay | Tổng CTCP Bia - Rượu - NGK Hà Nội | Phó Tổng giám đốc |
| | CTCP Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Thành viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (tương đương 0,33% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 120.000 (Tương đương 2% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
Phạm Mai Khanh (con gái): sở hữu 60.000 cổ phần (tương đương 1,0% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị

2.4. Ông Nguyễn Quang Nghiệp - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Quang Nghiệp
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 21/10/1983
- Nơi sinh: Gia Lộc, Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Gia Khánh, Gia Lộc, Hải Dương
- CMTND: 030083001266 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG Ngày cấp: 11/12/2015
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ thực phẩm
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------------|---|-----------------------|
| 17/03/2014 - 07/06/2016 | Công Ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 | Phó phòng kỹ thuật |
| 07/06/2016 - 01/01/2019 | Công Ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 | Trưởng phòng kỹ thuật |



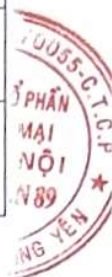
| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------------|---|-------------------------------|
| 01/01/2019 - 01/03/2019 | Công Ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 | Phó giám đốc |
| 01/03/2019 đến nay | CTCP Thương Mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 36.000 cổ phần (chiếm 0,60% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 33.000 (tương đương 0,55% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
 - Nguyễn Thị Kim Cúc (vợ): sở hữu 5.000 cổ phần (tương đương 0,08% vốn điều lệ Công ty)
 - Nguyễn Văn Minh (anh trai): sở hữu 5.000 cổ phần (tương đương 0,08% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

2.5. Ông Dương Như Quang - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Dương Như Quang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/7/1966
- Nơi sinh: Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phố Phúc Tân, Phường Tân Thành, TP Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
- CMTND: 037066001460 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG Ngày cấp: 25/04/2021
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------------|---|------------------|
| 1984 - 1987 | Phòng tham mưu lữ đoàn 202 – Quân đoàn 1 | Bộ đội |
| 1987- 1989 | Trạm kiểm soát quân sự - Lữ đoàn 202 Quân đoàn 1 | Trạm trưởng |
| 1989 - 1990 | Văn phòng Bộ tư lệnh - Quân đoàn 1 | Cán bộ nghiệp vụ |
| 1990 - 1993 | Khách sạn chuyên gia Ninh Bình | Cán bộ nghiệp vụ |
| 1993 - 2006 | Chi nhánh bia Sài Gòn tại Ninh Bình | Trưởng chi nhánh |
| 2006 - 2007 | Công ty TNHH Hải Hà | Giám đốc |
| Từ 2007 đến nay | Công ty TNHH Hải Hà | Giám đốc |
| | Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Hà Nội - Hưng Yên 89 | Thành viên HĐQT |



- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:(nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 670 cổ phần (tương đương 11,17% vốn điều lệ Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị

2.6. Ông Phan Ngọc Anh - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Phan Ngọc Anh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/05/1974
- Nơi sinh: Hưng Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 19, lô 13, dãy B, Khu Trung Yên, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
- CMTND: 040074000163 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH Ngày cấp: 25/4/2021

- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|------------------------------------|
| 2007 - 2015 | Công ty Cổ phần Phương Đông Media | Chủ tịch HĐQT |
| 01/01/2015 - 2017 | Sành sứ thủy tinh- thuộc Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội | Bí thư chi bộ |
| | Công ty Cổ phần Phương Đông Media | Chủ tịch HĐQT |
| | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco | Tổng Giám đốc |
| | Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam | Ủy viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc |
| | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung; | Ủy viên HĐQT |
| | Trường Đại học Công nghiệp Vinh | Thành viên Hội đồng |
| | Công ty CP Thương mại bia Hà Nội Hưng Yên 89 | Ủy viên HĐQT |
| 2018 - 05/2020 | Sành sứ thủy tinh- thuộc Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội | Bí thư chi bộ |
| | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco | Tổng Giám đốc |
| | Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam | Ủy viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc |
| | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền Trung | Ủy viên HĐQT |
| | Trường Đại học Công nghiệp Vinh | Thành viên Hội đồng |
| | Công ty CP Thương mại bia Hà Nội Hưng Yên 89 | Ủy viên HĐQT |
| 06/2020 đến Nay | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Habeco | Tổng Giám đốc |
| | Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam | Ủy viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc |
| | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Miền | Ủy viên HĐQT |

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-----------|--|---------------------|
| | Trung | |
| | Trường Đại học Công nghiệp Vinh | Thành viên Hội đồng |
| | Công ty CP Thương mại bia Hà Nội Hưng Yên 89 | Ủy viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 1.200.000 cổ phần (tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị

2.7. Ông Nguyễn Hải Quân - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Hải Quân
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/05/1974
- Nơi sinh: Quán Sứ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 69/173/68/147 tổ 56 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình Hà Nội
- CMTND: 001170000888 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG Ngày cấp: 21/04/2014
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|-------------|
| 01/2008 - 12/2008 | Phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty CPTM Bia Hà Nội | Chuyên viên |

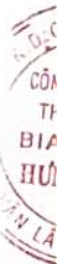
| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------|---|-----------------|
| 01/2009 - 12/2014 | Phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty CPTM Bia Hà Nội | Phó Phòng |
| 01/2015 - 12/2016 | Phòng Thị trường Công ty CPTM Bia Hà Nội | Trưởng phòng |
| 01/01/2017 đến nay | Công ty CPTM Bia Hà Nội | Phó Giám đốc |
| Từ 8/2018 đến Nay | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Thành viên HĐQT |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 750 cổ phần (tương đương 12,5% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị

3. Ban kiểm soát

3.1. Danh sách BKS

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|------------------|--------------------------|
| 1 | Nguyễn Tuấn Anh | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2 | Nguyễn Bá Ngọc | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3 | Nguyễn Việt Dũng | Thành viên Ban kiểm soát |



3.2. Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

3.2.1. Ông Nguyễn Tuấn Anh - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Anh
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/06/1991
- Nơi sinh: Số 9, ngõ 2, Nguyễn Công Trứ, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 9, ngõ 2, Nguyễn Công Trứ, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- CMTND: 001091005147 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG Ngày cấp: 03/03/2015
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488

- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|--------------------|--|-----------------------|
| 2009 - 2013 | Trường đại học thương mại | Sinh viên |
| 03/2014 - 05/20221 | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Nhân viên phòng TT-BH |
| 06/20221 đến nay | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Trưởng Ban kiểm soát |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Trưởng ban kiểm soát

3.2.2. Ông Nguyễn Bá Ngọc - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Bá Ngọc
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/09/1989
- Nơi sinh: Xã Trảng Sơn, Huyện Đô Lương, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: S103.2012A Khu đô thị Vinhomes smart city, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- CMTND: 186849779 Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An Ngày cấp: 15/07/2020
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

002
TY CỔ
ÔNG A
HÀ I
G YÊN
-T. HƯ

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|--------------------------|
| 08/2007 - 11/2011 | Đại học Kinh tế quốc dân, chuyên ngành Kiểm toán | Sinh viên |
| 11/2011 - 05/2021 | Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá MHD | Kiểm toán viên |
| 06/2021 đến nay | Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá MHD | Kiểm toán viên |
| | CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Thành viên Ban kiểm soát |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Thành viên ban kiểm soát

3.2.3 Ông Nguyễn Việt Dũng - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Nguyễn Việt Dũng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/11/1994
- Nơi sinh: Xã Bùi Xá, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Thôn Triều Đông, xã Bùi La Nhân, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
- CMND: 042094010856 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Ngày cấp: 10/05/2021
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 21399 7488
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

105
HÂN
AI
ỘT
89
G YÊN

- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|--|
| 08/2012 - 08/2016 | Học viện Tài Chính, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp | Sinh viên |
| 11/2011 - 05/2021 | Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội | Chuyên viên tài chính |
| 06/2021 đến nay | Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội CTCP Thương mại bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Chuyên viên tài chính; Thành viên Ban kiểm soát |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Thành viên ban kiểm soát.

4. Ban Giám đốc.

4.1. Danh sách Ban Giám đốc

| STT | Họ và tên | Chức danh |
|-----|---------------------|----------------------------------|
| 1 | Nguyễn Quang Nghiệp | Giám đốc |
| 2 | Đào Thị Thu Hằng | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |
| 3 | Phạm Ngọc Hà | Phó Giám đốc |

4.2. Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc

4.2.1 Ông Nguyễn Quang Nghiệp – Giám đốc

Đã trình bày tại mục Thành viên HĐQT.

4.2.2 Phó Giám đốc:

- Họ và tên: Đào Thị Thu Hằng
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 23/08/1979
- Nơi sinh: Chí Linh, Hải Dương

- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 230A Ngõ 230 Đường Hoàng Mai - Tổ 38 – Phường Hoàng Văn Thụ - Quận Hoàng Mai –Thành phố Hà Nội
- CMTND: 030179008967 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Ngày cấp: 14/4/2021
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh và kế toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|---|----------------------------------|
| 08/2002 - 11/2005 | Công ty Cổ phần Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam | Kế toán |
| 11/2005 - 02/2009 | Công ty Cổ phần Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam | Kế toán trưởng |
| 03/2009 - 03/2010 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Kế toán |
| 04/2010 - 2018 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Kế toán trưởng |
| 2018 đến nay | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần (tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ):
 - Đào Tuấn Dũng (anh trai): sở hữu 6.000 cổ phần (tương đương 0,10% vốn điều lệ Công ty)
 - Đào Thị Thu Hà (em gái): sở hữu 5.000 cổ phần (tương đương 0,08% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng

4.2.3. Phó Giám đốc:

- Họ và tên: Phạm Ngọc Hà
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/03/1976
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 01 nhà A8, khu tập thể 8/3, phường Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- CMTND: 001076015224 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL và DLQG Ngày cấp: 27/03/2017
- Số điện thoại liên lạc: (84 - 4) 2199 7488
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ hoá học
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| Thời gian | Đơn vị công tác | Chức vụ |
|-------------------|--|-----------------------------|
| 06/2000 - 08/2005 | Viện nghiên cứu rượu bia nước giải khát | Nghiên cứu viên |
| 09/2005 - 11/2009 | Trường đại học Rennes1(Thành phố Rennes Cộng hoà Pháp) | Sinh viên sau đại học |
| 10/2010 - 09/2019 | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | TP. KCS |
| 10/2019 đến nay | Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 | Phó Giám đốc; TP. KT-KCS |

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty đại chúng:
 - ✓ Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần (tương đương 0,33% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu đại diện: 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
 - ✓ Sở hữu của người có liên quan (họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ): 0 cổ phần (tương đương 0% vốn điều lệ của Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao giữ chức vụ Phó giám đốc

4.2.4. Kế toán trưởng

Bà Đào Thị Thu Hằng – Kế toán trưởng

Đã trình bày tại mục Ban Giám đốc

5. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Công ty luôn chú trọng việc nâng cao công tác quản trị công ty bằng cách đưa ra kế hoạch kinh doanh cụ thể trong tương lai. Kế hoạch trước mắt là tập trung đào tạo nguồn nhân lực, khuyến khích và tạo điều kiện cho nhân viên Công ty nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.

Công ty sẽ tiếp tục tuyển dụng nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho Cán bộ, công nhân viên (CBCNV). Chính sách lương, thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CBCNV phát huy sáng tạo trong công việc.

Ngoài ra, Công ty cũng sẽ tiếp tục thực hiện việc cơ cấu tổ chức để tuân thủ quy định hiện hành về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Thực hiện nghiêm túc Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

6. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| Stt | Họ và tên | TKGDC K (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số cổ phiếu tại ngày 21/12/2021 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/12/2021 | Mối quan hệ với CĐNB |
|----------|---------------------------------------|------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| I | Hội đồng quản trị | | | | | |
| 1 | Nguyễn Đặng Toàn | Không có | Chủ tịch HĐQT | 185.500 | 3,09% | |
| | Nguyễn Văn Tuyên | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Đặng Thị Nguyệt | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Nguyễn Văn Việt | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Trương Thị Hoà | Không có | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| | Nguyễn Thu Nga | Không có | | 0 | 0% | Vợ |
| | Nguyễn Thu Hà | Không có | | 0 | 0% | Chị vợ |
| | Nguyễn Đặng Tuấn | Không có | | 50,000 | 0,83% | Anh trai |
| | Nguyễn Thị Minh Thu | Không có | | 5000 | 0,083% | Chị dâu |
| | Nguyễn Thanh Phương | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Quý Phúc | Không có | | 0 | 0% | |
| | Tổng công ty CP Bia-Rượu – NGK Hà Nội | | | 300.000 | 5% | Người đại diện vốn |

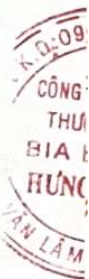
| Stt | Họ và tên | TKGDC K (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số cổ phiếu tại ngày 21/12/2021 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/12/2021 | Mối quan hệ với CĐNB |
|-----|---------------------------------------|----------------------|-------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| 2 | Nguyễn Văn Việt | Không có | Thành viên HĐQT | 0 | 0% | |
| | Nguyễn Văn Tiến | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Ngô Thị Diễm | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Trương Quý Miễn | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Trương Thị Đàng | Không có | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| | Trương Thị Hoà | Không có | | 0 | 0% | Vợ |
| | Nguyễn Văn Thành | Không có | | 0 | 0% | Em trai |
| | Nguyễn Thu Hà | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Thu Nga | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Đặng Toàn | Không có | | 185.000 | 3,09% | Con rể |
| 3 | Phạm Trung Kiên | | Thành viên HĐQT | 20.000 | 0,33% | |
| | Nguyễn Thị Mai Hạnh | 0042041 tại TVSI | | 0 | 0% | Vợ |
| | Phạm Mai Khanh | 001C1615 98 tại BVSC | | 60.000 | 1,0% | Con gái |
| | Phạm Duy Tùng | Không có | | 0 | 0% | Con trai |
| | Phạm Khắc Cự | Không có | | 0 | 0% | Bố đẻ |
| | Bùi Thị Ty | Không có | | 0 | 0% | Mẹ đẻ |
| | Phạm Khắc Trung | Không có | | 0 | 0% | Anh trai |
| | Nguyễn Thị Thế | Không có | | 0 | 0% | Chị dâu |
| | Phạm Hồng Quang | Không có | | 0 | 0% | Anh trai |
| | Nguyễn Thị Hiền | Không có | | 0 | 0% | Chị dâu |
| | Phạm Phú Cường | Không có | | 0 | 0% | Anh trai |
| | Phạm Thị Hương | Không có | | 0 | 0% | Chị dâu |
| | Nguyễn Văn Chiện | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Chu Thị Hoàng Yến | Không có | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| | Tổng công ty CP Bia-Rượu – NGK Hà Nội | | | 300.000 | 5% | Người đại diện vốn |
| 4 | Nguyễn Quang Nghiệp | Không có | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc | 36.000 | 0,6% | |

0055-0
CỔ PHẦN
MẠI
NỘI
HÀ NỘI
HƯNG YÊN

| Stt | Họ và tên | TKGDC K (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số cổ phiếu tại ngày 21/12/2021 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/12/2021 | Mối quan hệ với CĐNB |
|----------|------------------------|------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| | Nguyễn Văn Quý | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Nguyễn Thị Xuyên | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Nguyễn Hữu Cường | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Hà Thị Vĩnh | Không có | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| | Nguyễn Thị Kim Cúc | Không có | | 5.000 | 0.08% | Vợ |
| | Nguyễn Ngọc Hà | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Thu Thảo | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Văn Minh | Không có | | 5.000 | 0.08% | Anh trai |
| | Nguyễn Hữu Dương | Không có | | 0 | 0% | Em vợ |
| 5 | Dương Như Quang | | Thành viên HĐQT | | | |
| | Dương Như Chinh | Không có | | | | Bố |
| | Đình Thị Cát | Không có | | | | Mẹ |
| | Đình Văn Tích | Không có | | | | Bố vợ |
| | Đình Thị Liễu | Không có | | | | Mẹ vợ |
| | Đình Hồng Hà | Không có | | | | Vợ |
| | Dương Sơn Hải | Không có | | | | Con |
| | Dương Lan Phương | Không có | | | | Con |
| | Công ty TNHH Hải Hà | Không có | | 670.000 | 11,17% | Giám đốc |
| 6 | Phan Ngọc Anh | | Thành viên HĐQT | | | |
| | Phan Anh Đào | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Nguyễn Thị Loan | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Phan Thị Anh Yên | Không có | | 0 | 0% | Chị |
| | Phan Thị Kim Oanh | Không có | | 0 | 0% | Em gái |
| | Phan Ngọc Thành | Không có | | 0 | 0% | Em trai |
| | Trịnh Thị Thu Hiền | Không có | | 0 | 0% | Vợ |
| | Phan Anh Dũng | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Phan Kevin Bảo Sơn | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Trịnh Hữu Thắng | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Tống Thị Minh | Không có | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| | Trịnh Đức Thành | Không có | | 0 | 0% | Anh vợ |

| Stt | Họ và tên | TKGDC K (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số cổ phiếu tại ngày 21/12/2021 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/12/2021 | Mối quan hệ với CĐNB |
|-----------|---------------------------------------|------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| | Công ty CP Sành Sứ Thủy Tinh Việt Nam | | | 1.200.000 | 20% | Phó Tổng GD |
| 7 | Nguyễn Hải Quân | | Thành viên HĐQT | 0 | 0% | |
| | Nguyễn Hữu Đức | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Phạm Thị Kim Loan | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Nguyễn Sĩ Năng | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Đỗ Thị Thắng | Không có | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| | Nguyễn Thanh Tú | Không có | | 0 | 0% | Vợ |
| | Nguyễn Thảo Vi | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Thảo Ngọc | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Thị Thanh Bình | Không có | | 0 | 0% | Chị gái |
| | Nguyễn Thị Hoàng Yến | Không có | | 0 | 0% | Chị gái |
| | Nguyễn Đăng Vịnh | Không có | | 0 | 0% | Anh rể |
| | Công ty CPTM Bia Hà Nội | Không có | | 750.000 | 12,5% | Phó giám đốc |
| II | Ban Kiểm soát | | | | | |
| 1 | Nguyễn Tuấn Anh | Không có | Trưởng BKS | 0 | 0% | |
| | Nguyễn Hữu Ứng | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Đào Thị Huệ | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Nguyễn Quang Quân | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Nguyễn Thị Khương | Không có | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| | Nguyễn Thị Hải Yến | Không có | | 0 | 0% | Vợ |
| | Nguyễn Như Ngọc | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Đức Toàn | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Thị Linh Hương | Không có | | 0 | 0% | Em gái |
| | Nguyễn Quang Huân | Không có | | 0 | 0% | Anh vợ |
| | Nguyễn Mạn Tuấn | Không có | | 0 | 0% | Em vợ |
| 2 | Nguyễn Bá Ngọc | Không có | Thành viên BKS | 0 | 0% | |

| Stt | Họ và tên | TKGDC K (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số cổ phiếu tại ngày 21/12/2021 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/12/2021 | Mối quan hệ với CĐNB |
|-----|---|--|----------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| | Nguyễn Bá Lân | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Nguyễn Thị Hoa | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Nguyễn Cảnh Thành | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Ngô Thị Hương | Không có | | 0 | 0% | Mẹ Vợ |
| | Nguyễn Thị Hoa | Không có | | 0 | 0% | Vợ |
| | Nguyễn Ngọc Khả Hân | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Cát Tường | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Nguyễn Thị Lan | Không có | | 0 | 0% | Em gái |
| | Nguyễn Bá Sơn | Không có | | 0 | 0% | Em trai |
| | Nguyễn Thị Hiền | Không có | | 0 | 0% | Em gái vợ |
| | Nguyễn Cảnh Tiến | Không có | | 0 | 0% | Em trai vợ |
| | Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá MHD | Không có | | 0 | 0% | Kiểm toán viên |
| 3 | Nguyễn Việt Dũng | Không có | Thành viên BKS | 0 | 0% | |
| | Nguyễn Văn Trung | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Nguyễn Thị Thu Hương | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Nguyễn Việt Hoài | Không có | | 0 | 0% | Em trai |
| | Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu -NGK Hà Nội | | | 300.000 | 5% | Chuyên viên tài chính |
| III | Ban Giám đốc | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quang Nghiệp | (Đã trình bày tại mục Hội đồng quản trị) | | | | |
| 2 | Đào Thị Thu Hằng | Không có | Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng | 50.000 | 0,83% | |
| | Đào Sỹ Hào | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Vũ Thị Băng | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Sái Văn Sang | Không có | | 0 | 0% | Bố chồng |
| | Trần Thị Mơ | Không có | | 0 | 0% | Mẹ chồng |



| Stt | Họ và tên | TKGDC K (nếu có) | Chức vụ tại Công ty (nếu có) | Số cổ phiếu tại ngày 21/12/2021 | Tỷ lệ sở hữu tại ngày 21/12/2021 | Mối quan hệ với CĐNB |
|-----------|-------------------------|-------------------------------------|------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|----------------------|
| | Sái Anh Khoa | Không có | | 0 | 0% | Chồng |
| | Sái Hà Phương | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Sái Đào Khánh Hùng | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Đào Tuấn Dũng | Không có | | 6.000 | 0,10% | Anh trai |
| | Đào Thị Thu Hà | Không có | | 5.000 | 0,08% | Em gái |
| 3 | Phạm Ngọc Hà | Không có | Phó Giám đốc | 20.000 | 0,33% | |
| | Phạm Ngọc Ánh | Không có | | 0 | 0% | Bố |
| | Nguyễn Thị Chuyên | Không có | | 0 | 0% | Mẹ |
| | Ngô Quang Tân | Không có | | 0 | 0% | Bố vợ |
| | Nguyễn Thị Thông | Không có | | 0 | 0% | Mẹ vợ |
| | Ngô Thị Giang | Không có | | 0 | 0% | Vợ |
| | Phạm Bảo Chi | Không có | | 0 | 0% | Con |
| | Phạm Ngọc Hải | Không có | | 0 | 0% | Em trai |
| IV | Kế toán trưởng | | | | | |
| | Đào Thị Thu Hằng | (Đã trình bày tại mục Ban Giám đốc) | | | | |

7. Thống kê các giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo quy định

Trong năm 2024, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (VND) |
|--|-------------|--------------------------|-------------------------|
| Công ty CP TM Bia Hà Nội | Cổ đông lớn | Chia cổ tức | 675.000.000 |
| | | Bán thành phẩm, hàng hóa | 9.147.192.900 |
| Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Hà Nội | Cổ đông lớn | Bán thành phẩm, hàng hóa | 10.441.768.680 |
| | | Phi lixang | 6.943.406.106 |
| | | Chia cổ tức | 270.000.000 |
| Công ty TNHH Hải Hà | Cổ đông lớn | Chia cổ tức | 603.000.000 |
| | | Bán thành phẩm, hàng hóa | 8.044.845.450 |
| Công ty TNHH Sành sứ Thủy tinh Việt Nam | Cổ đông lớn | Chia cổ tức | 1.080.000.000 |
| Trương Thị Hòa | Cổ đông lớn | Chia cổ tức | 558.000.000 |



III. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty

Hưng Yên, ngày 3 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT *th*



NGUYỄN QUANG NGHIỆP

C. P.